

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang B

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Uyên;

Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Minh Triết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 454/2019/TLST– HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Tổ 45, ấp Vĩnh Hòa, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Huỳnh Linh V1, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Tổ 07, ấp Phước Khánh, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ có trong vụ án và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Lê Thị Cẩm T trình bày: Hôn nhân của bà và ông V1 xác lập thông qua sự mai mối người thân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện An Phú vào năm 2011. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau và cả hai đã không còn chung sống từ năm 2018 cho đến nay. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông V1.

Trong thời gian chung sống, hai người có 01 con chung tên Huỳnh Linh B, sinh ngày 19/5/2012. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông V1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Huỳnh Linh V1 được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Kết quả xác minh tình trạng cư trú tại địa phương thể hiện ông V1 vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, ông V1 vắng mặt, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, thủ tục thu thập chứng cứ, hoà giải... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm B.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung: Có 01 con chung Huỳnh Linh B, sinh ngày 19/5/2012. Xét thấy con chung hiện do bà T nuôi dạy. Do đó, để đảm B cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung nên giao bà T tiếp tục nuôi con chung là phù hợp tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, quyền nuôi con chung với ông V1, các đương sự hiện đang cư trú tại huyện An Phú, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Về việc vắng mặt của đương sự: Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông V1 có đăng ký kết hôn tại xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào năm 2011 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà T xin được ly hôn với ông V1, thì thấy: Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và cả hai người đã không còn chung sống từ năm 2018 cho đến nay. Thời gian không chung sống theo bà T thì ông V1 không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình.

Ông V1 đã được thông báo hợp lệ về nội dung khởi kiện, yêu cầu của bà T nhưng ông không gửi văn bản hoặc trình bày ý kiến của mình cho Tòa án, không tham gia các phiên hoà giải nhằm tìm kiếm giải pháp hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Lời trình bày của bà T về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống còn được xác nhận bởi lời khai của ông Lê Văn Hiệp là cha ruột của bà T cho biết mâu thuẫn của ông, bà là thật sự trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thời gian ly thân kéo dài từ năm 2018 đến nay, gia đình đã hàn gắn cho cả hai nhưng không có kết quả.

Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, do đó yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà T và ông V1 có 01 con chung Huỳnh Linh B, sinh ngày 19/5/2012 đang do bà T nuôi dạy. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Cháu B cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Do đó, để đảm B cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con

chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu B cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông V1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng...được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này bà và ông V1 có yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm T được ly hôn với ông Huỳnh Linh V1.

Về con chung: Bà Lê Thị Cẩm T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Huỳnh Linh B, sinh ngày 19/5/2012. Ông Huỳnh Linh V1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Cẩm T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông V1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011754 ngày 10/12/2019.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 10/8/2011 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã P, AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang B